

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện C, tỉnh T (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phan Thị Yến L, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Số 320/6 ấp C, xã A, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn H là nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Phan Thị Yến L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh T vào ngày 27/02/2020. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, giữa bà L và mẹ ông cũng có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Yến L.

Về nuôi con chung: Ông và bà L có một người con chung tên Lê Đăng Kh, sinh ngày 01/01/2021, hiện nay con chung đang sống cùng với bà L. Khi ly hôn ông yêu cầu giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Bà Phan Thị Yến L là bị đơn trình bày tại biên bản hòa giải ngày 207/2022 và ngày 04/8/2022: Qua lời trình bày của ông H về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng là đúng, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn được nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung như ông H trình bày. Khi ly hôn bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Đăng Kh, sinh ngày 01/01/2021 đến tuổi trưởng thành, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Yến L, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phan Thị Yến L cư trú tại huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Phan Thị Yến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Phan Thị Yến L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Co, tỉnh T theo giấy đăng ký kết hôn số 18 vào ngày 27/02/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L đã phát sinh mâu thuẫn, hai đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông H yêu cầu ly hôn, bà L cũng đồng ý vì hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ly hôn giữa ông H và bà L.

[3] Về nuôi con chung: Ông Huệ và bà Linh có người con chung tên là Lê Đăng Kh, sinh ngày 01/01/2021.

Xét thấy, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ông H cũng đồng ý. Do đó, cần giao con chung cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng ông H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Xét thấy, ông H có công việc, có thu nhập ổn định hàng tháng, thu nhập trung bình mỗi tháng là 7.000.000 đồng và nhu cầu thiết yếu của con chung đảm bảo cho trẻ phát triển lành mạnh, hài hòa về thể chất và tinh thần, đảm bảo được điều kiện được nuôi dưỡng và học tập. Do đó, cần buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn H và bà Phan Thị Yến L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Đăng Kh, sinh ngày 01/01/2021 cho bà Phan Thị Yến L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007947 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Th, huyện C, tỉnh T;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duyệt